



QUY TRÌNH SOẠN THẢO, BAN HÀNH VBQPPL Ở TW, BỘ

L7&8: 15 -17 NOV 2022

QUY TRÌNH SOẠN THẢO, BAN HÀNH VBQPPL TW

- Đọc các điều 4→6, mục 2 Chương III, mục 2 Chương IV và chương V Luật BHVBQPPL 2015 (sửa đổi, bổ sung 2020), Sổ tay soạn thảo VBQPPL (Bộ TP 2018) các chương 8, 10 & 12; Tài liệu hướng dẫn đánh giá tác động của chính sách (Bộ TP 2018).
- Hiểu biết hệ thống VBQPPL và quy trình xây dựng, ban hành VBQPPL ở TW:
 - Hệ thống VBQPPL và thẩm quyền ban hành (Đ4, K1->8)
 - Các nguyên tắc cơ bản trong xây dựng, ban hành VBQPPL (Đ5)
 - Quy trình xây dựng, ban hành VBQPPL gồm những bước cơ bản nào?
 - Quy trình lập đề nghị xây dựng chính sách, VBQPPL (Đ32, 84)
 - Đánh giá tác động chính sách (Đ35, 87): phương pháp định lượng và định tính
 - Thảo luận, lấy ý kiến về đề nghị xây dựng chính sách, dự thảo VBQPPL (Đ6, 36, 57, 86, 91, 101): đảm bảo hiệu quả và hài hòa lợi ích của NN-DN-CN
 - Thủ tục thẩm định pháp lý (Đ39, 88, 92)

- Căn cứ, yêu cầu đề xuất chính sách: thể chế hóa chủ trương của Đảng, VBPL cấp cao hơn, thực tiễn quản lý, Điều ước QT, hoạt động thanh tra...
- Chủ thể đề xuất chính sách: CQ, TC, Đại biểu QH (K2Đ33 NĐ 34/2016)
- Chương trình xây dựng VBQPPL: định kỳ, điều chỉnh bổ sung (NQ 50/2022/QH15; NQ 01/NQ-CP 2022)
- Quy trình, thủ tục: Quy chế xây dựng, ban hành VBQPPL của Bộ

LỰA CHỌN CHÍNH SÁCH, XÁC LẬP ƯU TIÊN

GIẢI ĐOẠN LẬP ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

- CQ, đơn vị chủ trì: thành lập BST, Tổ biên tập, Tổ công tác?
- Quy trình các bước
- Thẩm định đề nghị xây dựng chính sách: Vụ PC Bộ/Ngành, Bộ TP, Tổ tư vấn thẩm định
- Phê duyệt đề nghị chính sách → Chương trình xây dựng, BH VBQPPL

- CQ, đơn vị chủ trì soạn thảo VBQPPL: thành lập BST, Tổ biên tập
- Quy trình các bước
- Thẩm định dự thảo VBQPPL: Vụ PC Bộ/Ngành, Bộ TP, Tổ tư vấn thẩm định
- Trình, ban hành VBQPPL

GIẢI ĐOẠN SOẠN THẢO, BAN HÀNH VBQPPL

ĐỊNH HƯỚNG CHUNG CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG PHÁP LUẬT NHIỆM KỲ QH15: KẾT LUẬN 19-KL/TW (14/10/2021) CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

- Đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, ổn định, công khai, minh bạch, có sức cạnh tranh quốc tế; lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm;
- Thận trọng, chắc chắn, chất lượng cao, không chạy theo số lượng, bám sát yêu cầu thực tiễn. Vấn đề cấp bách, cần thiết nhưng là vấn đề mới, chưa đạt đồng thuận cao thì có thể quy định thực hiện thí điểm;
- Phát huy vai trò của Nhân dân, Mặt trận TQVN và các tổ chức thành viên trong việc nâng cao chất lượng công tác phản biện xã hội đối với quy trình lập pháp;
- Kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng pháp luật;

NQ 17/2021/QH15 & NQ 50/2022/QH15: TRÁCH NHIỆM CQ, TC LẬP ĐỀ NGHỊ, CHỦ TRÌ SOẠN THẢO VBQPPL

- Thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, đáp ứng yêu cầu thực tiễn;
- Đồng bộ, khả thi, tính quy phạm cao, tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc xây dựng, ban hành VBQPPL;
- Thực hiện nghiêm, thực chất việc tổng kết thi hành, đánh giá tác động chính sách, đánh giá nguồn lực thực hiện, lấy ý kiến CQ, TC, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động bảo đảm thiết thực & hiệu quả ngay từ giai đoạn lập hồ sơ đề nghị;
- Rà soát kỹ các văn bản đã ban hành để phát hiện, xử lý vấn đề khác nhau với văn bản dự kiến ban hành, không để xảy ra mâu thuẫn, chồng chéo;
- Thực hiện nghiêm quy định tại K2 Đ12 Luật BHVBQPPL: CQ ban hành VBQPPL phải sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ văn bản/phần/chương/mục/tiểu mục/điều/khoản/điểm của VBQPPL do mình đã ban hành trái với quy định của văn bản mới ngay trong văn bản mới;
- Đề xuất thực hiện thí điểm đối với những vấn đề tuy cấp bách, cần thiết nhưng là vấn đề mới, chưa có sự đồng thuận cao; những vấn đề cấp bách, đã rõ, được thực tiễn chứng minh và có sự thống nhất cao thì đề xuất quy định trong luật;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 1, các khoản 2 và 3 Điều 6; Điều 7; điểm a khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 9; các Điều 11 và 13; khoản 1, điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 16; Điều 20; các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 22; Điều 23; các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 24; các Điều 25, 26 và 27; các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 28; Điều 28a, các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 28b; các khoản 1 và 2 Điều 28c; Điều 29; khoản 1, các điểm c và d khoản 2, các khoản 3 và 4 Điều 30; các khoản 1 và 2 Điều 31; các Điều 32 và 32a Nghị định này;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II và Chương III Nghị định này.

8. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chánh Thanh tra Bộ Ngoại giao

Chánh Thanh tra Bộ Ngoại giao có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 2, các điểm c, e và g khoản 3 Điều 5; điểm b khoản 1 Điều 6; Điều 7; các điểm a và b khoản 1, các điểm a và d khoản 2 Điều 9 Nghị định này.”.

30. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 41 như sau:

“1. Các chức danh nêu tại các Điều 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40 và 40a Nghị định này và công chức, viên chức đang thi hành công vụ khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản và hoạt động in sản phẩm không phải là xuất bản phẩm thì được quyền lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định.”.

Điều 3. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm khoản điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP

1. Bãi bỏ điểm a khoản 6 Điều 15; khoản 3 Điều 17; khoản 4 Điều 22; khoản 3 Điều 37; khoản 7 Điều 42; khoản 4 Điều 48; khoản 4 Điều 57; các điểm d và đ khoản 8 Điều 103 Nghị định số 15/2020/NĐ-CP.

2. Bổ sung cụm từ tại một số điều như sau:

Bổ sung cụm từ “và hoạt động in sản phẩm không phải xuất bản phẩm” vào sau cụm từ “hoạt động xuất bản” tại khoản 2 Điều 41 Nghị định số 119/2020/NĐ-CP.

3. Bãi bỏ các Điều 34 và Điều 43 Nghị định số 119/2020/NĐ-CP.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

Điều 5. Quy định chuyển tiếp

Đối với hành vi vi phạm hành chính xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực, sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét xử lý mà Nghị định này không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn thì áp dụng các quy định của Nghị định này.

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 41. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính

1. Các chức danh nêu tại các Điều 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39 và 40 Nghị định này và công chức, viên chức đang thi hành công vụ khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản thì được quyền lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định.

2. Cán bộ, chiến sỹ thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân đang thi hành công vụ, nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản được quyền lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 42. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2020.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 159/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, xuất bản, trừ trường hợp quy định tại Điều 43 Nghị định này.

Điều 43. Điều khoản chuyển tiếp

Hình thức, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm trong hoạt động in sản phẩm không phải xuất bản phẩm quy định tại điểm a và điểm b khoản 1, điểm b và điểm d khoản 2, điểm b khoản 3, điểm a và điểm c khoản 4, điểm a khoản 5, khoản 6 (đối với điểm d, chỉ áp dụng đối với hành vi in nhãn hàng hóa, bao bì nhưng không có bản mẫu được cơ sở sản xuất đứng tên đặt in xác nhận), các khoản 8, 9 và 10 Điều 24; Điều 26 của Nghị định số 159/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, xuất bản tiếp tục áp dụng cho đến khi có quy định mới thay thế.

Điều 44. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định này.

SỐ LƯỢNG VBQPPL CỦA QH, UBTVQH

Năm ban hành	Luật	NQ của QH (NQ quy phạm)	Pháp lệnh	NQ của UBTVQH (NQ quy phạm)	NQ liên tịch UBTVQH & Đoàn chủ tịch UBTW MTTQVN	NQ liên tịch UBTVQH, CP & Đoàn chủ tịch UBTW MTTQVN
2005-2015	220	27	35	50	01	02
2016	10	03	01	06	0	01
2017	18	03	0	06	0	01
2018	16	0	01	04	0	01
2019	07	01	0	02	0	0
Tổng số	271	34	37	68	01	04
(Báo cáo 1485-KH/ĐĐQH14 ngày 4/11/2019)						

SỐ LƯỢNG VBQPPL CỦA CHÍNH PHỦ VÀ CÁC BỘ

Năm ban hành	VBQPPL của CP	VBQPPL của TTg CP	VBQPPL của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ	Thông tư liên tịch
2005-2015	1219	923	5821	1335
2016	178	50	598	98
2017	168	33	680	66
2018	170	41	648	34
2019	60	20	206	20
2020	158	39	310	N/A
Tổng số	1953	1106	8263	1553

(Tổng hợp từ Báo cáo của VPCP và Báo cáo Dòng chảy Pháp luật Kinh doanh, 2020)

NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN QPPL: ĐIỀU 5 LUẬT BHVBQPPL

- Hợp hiến, hợp pháp, thống nhất
- Đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành
- Đảm bảo tính minh bạch
- Khả thi, tiết kiệm, hiệu quả, kịp thời, dễ thực hiện, đảm bảo yêu cầu về giới và TTHC
- Công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến tham gia góp ý, thảo luận, phản biện của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, người dân, các chuyên gia, nhà khoa học
- Bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường
- Phù hợp điều ước quốc tế

QUY ĐỊNH GIỚI HẠN SỐ LƯỢNG THUÊ BAO DI ĐỘNG TRẢ TRƯỚC ĐƯỢC SỞ HỮU: TT 04/2012/TT-BTTTT & ND 49/2017/ND-CP

Hiến pháp 2013 (K2 Đ14):

“Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”.

2012

Thông tư 04/2012/TT-BTTTT (K1Đ9): cá nhân chỉ được đăng ký **tối đa 03 số thuê bao di động trả trước/1 mạng** thông tin di động (cá nhân là người đứng tên đại diện cho cơ quan tổ chức: được đăng ký **tối đa 100 số thuê bao di động trả trước/1 mạng** thông tin di động).

2015

Dự thảo (10/2015) sửa đổi TT 04/2012/TT-BTTTT: dự kiến sửa đổi số thuê bao di động trả trước mỗi cá nhân sở hữu **tối đa 05 số thuê bao/1 mạng** di động.

2017

ND 49/2017/ND-CP: **không quy định hạn chế** số lượng thuê bao trả trước mỗi cá nhân, tổ chức được sử dụng (TT 04/2012/TT-BTTTT hết hiệu lực 4/2017). Tuy nhiên, với 3 số thuê bao đầu tiên cá nhân chỉ cần xuất trình giấy tờ và ký xác nhận thông tin thuê bao, từ số thuê bao thứ 4 trở đi cá nhân cần ký hợp đồng với doanh nghiệp viễn thông.

QUY TRÌNH LẬP ĐỀ NGHỊ VÀ SOẠN THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. Luật BHVBQPPL 2008: yêu cầu ở bước lập chương trình xây dựng luật, pháp luật phải có thuyết minh về sự cần thiết cho việc ban hành văn bản gồm chính sách cơ bản và mục tiêu của chính sách; giải pháp để thực hiện chính sách; tác động tích cực, tiêu cực của chính sách... đồng thời phải có “Báo cáo đánh giá tác động sơ bộ” (Đ23,33, 59&61).
2. Luật BHVBQPPL 2015 (sửa đổi, bổ sung 2020): bổ sung quy trình phân tích, đánh giá chính sách trước khi soạn thảo VBQPPL (Quy trình Lập đề nghị xây dựng VBQPPL hay Quy trình xây dựng, thông qua chính sách trước khi Soạn thảo một số loại VBQPPL). Đây là quy định mới, **lần đầu quy định việc xây dựng, ban hành VBQPPL theo 02 giai đoạn**: (1) Giai đoạn xây dựng, phê duyệt chính sách; và (2) Giai đoạn soạn thảo VBQPPL.

QUY TRÌNH LẬP ĐỀ NGHỊ VÀ SOẠN THẢO VBQPPL TW: TRƯỜNG HỢP PHẢI LẬP ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

1. **Luật, Pháp lệnh;**
2. **NQ của QH** quy định tại Điểm b&c K2 Đ15; **NQ của UBTVQH** quy định tại Điểm b K2 Đ16 Luật BHVBQPPL:
 - ✓ NQ của QH về thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của QH nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành;
 - ✓ NQ của QH về tạm ngưng hoặc kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần luật, nghị quyết của QH đáp ứng các yêu cầu cấp bách về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quyền con người, quyền công dân;
 - ✓ NQ của UBTVQH tạm ngưng hoặc kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần Pháp lệnh, NQ của UBTVQH đáp ứng các yêu cầu cấp bách về phát triển kinh tế - xã hội;
3. **Nghị định của CP** quy định tại K2&3 Đ19 Luật BHVBQPPL:
 - ✓ Các biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành Hiến pháp, Luật, NQ của Quốc hội, Pháp lệnh & NQ của UBTVQH, Lệnh & QĐ của Chủ tịch nước; các biện pháp để thực hiện chính sách kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, tài chính, tiền tệ, ngân sách... những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của từ hai bộ/CQ ngang bộ trở lên; nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của các bộ, cơ quan ngang bộ...
 - ✓ Vấn đề cần thiết thuộc thẩm quyền của QH, UBTVQH nhưng chưa đủ điều kiện xây dựng thành luật hoặc pháp lệnh để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Trước khi ban hành NĐ này phải được sự đồng ý của UBTVQH.

(Luật BHVBQPPL 2015 & ĐIỀU 4 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP)

**LẬP ĐỀ NGHỊ
XÂY DỰNG
CHÍNH SÁCH:
CÁC BƯỚC
CƠ BẢN**

1

XÂY DỰNG NỘI DUNG CHÍNH SÁCH

2

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

3

XÂY DỰNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

4

**LẤY Ý KIẾN CỦA CQ, TC, DN & CÁ NHÂN VỀ ĐỀ NGHỊ
XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH**

5

**THẨM ĐỊNH HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG CHÍNH
SÁCH (BỘ TƯ PHÁP)**

6

**TRÌNH THÔNG QUA CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ
XÂY DỰNG VBQPPL**

QUY TRÌNH LẬP ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VÀ SOẠN THẢO VBQPPL: XÂY DỰNG NỘI DUNG CHÍNH SÁCH

- **Xác định vấn đề (chính sách) cần giải quyết:** Rà soát chính sách (Báo cáo rà soát các văn bản liên quan trong quá trình soạn thảo - Luật BHVBQPPL sửa đổi 2020), tổng kết thi hành; từ thực tiễn hoạt động QLNN; từ hoạt động thanh tra, kiểm tra; từ kiến nghị của CQ, TC, DN, cá nhân; từ chỉ đạo của CQNN có thẩm quyền cấp trên; từ yêu cầu QLNN, phát triển KT-XH, bảo đảm thực hiện quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; yêu cầu của điều ước quốc tế.
- **Xác định nguyên nhân** (từ thể chế, từ thực thi pháp luật, nguyên nhân khác)
- **Xác định định hướng và giải pháp** giải quyết từng vấn đề;
- **Xác định đối tượng** chịu sự tác động trực tiếp (K2Đ3) và nhóm đối tượng chịu trách nhiệm thực hiện chính sách;
- **Xác định thẩm quyền** ban hành chính sách (hình thức văn bản QPPL);

(Tài liệu Hội nghị tập huấn chuyên sâu về Luật ban hành VBQPPL 2015, Bộ Tư pháp)

QUY TRÌNH LẬP ĐỀ NGHỊ VÀ SOẠN THẢO VBQPPL: ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH

Đánh giá tác động của chính sách: *phân tích, dự báo tác động của chính sách với các nhóm đối tượng khác nhau để lựa chọn giải pháp tối ưu thực hiện chính sách.*

- Nội dung đánh giá tác động: vấn đề cần giải quyết; mục tiêu; giải pháp để thực hiện; tác động tích cực và tiêu cực; chi phí, lợi ích của các giải pháp và so sánh; lựa chọn giải pháp của cơ quan và lý do của việc lựa chọn đó.
- Tác động của chính sách được đánh giá: (1) Tác động về kinh tế; (2) Tác động về xã hội; (3) Tác động về giới của chính sách (nếu có); (4) Tác động về thủ tục hành chính (nếu có); (5) Tác động đối với hệ thống pháp luật.
- Phương pháp đánh giá: Phương pháp định lượng và phương pháp định tính.

MỤC ĐÍCH ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH

- Thận trọng, khách quan khi xem xét, cân nhắc lựa chọn giải pháp hợp lý, khả thi và hiệu quả để giải quyết vấn đề thực tiễn dựa trên việc phân tích chi phí, lợi ích, các tác động tích cực và tiêu cực đối với cá nhân, tổ chức và CQNN do thi hành chính sách nếu được ban hành.
- Nâng cao chất lượng của chính sách do việc phân tích, đánh giá được thực hiện bằng các phương pháp khoa học dựa trên các thông tin, dữ liệu, số liệu được thu thập từ các nguồn rõ ràng, tin cậy.
- Công khai các thông tin trong quá trình xây dựng chính sách thông qua việc lấy ý kiến nhân dân, các đối tượng chịu tác động trực tiếp trong suốt quá trình xây dựng, thẩm định, thông qua chính sách cũng như trong quá trình soạn thảo, thẩm định, thẩm tra và thông qua dự thảo VBQPPL.
- Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của các chính sách, quy định pháp luật đối với hệ thống pháp luật của Việt Nam và các điều ước quốc tế.

(Tài liệu hướng dẫn đánh giá tác động của chính sách, Bộ TP, 2018)

**TÌNH HUỐNG: ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH
(GIAI ĐOẠN LẬP ĐỀ NGHỊ CHÍNH SÁCH)**

**ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH VỀ QUẢN LÝ TÌNH TRẠNG “BẢO
HÓA” TRANG TTĐT TỔNG HỢP VÀ MẠNG XÃ HỘI TRONG
QUÁ TRÌNH LẬP ĐỀ NGHỊ CHÍNH SÁCH ĐỂ SỬA ĐỔI NGHỊ
ĐỊNH 72/2013/NĐ-CP (ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĐ
27/2018/NĐ-CP 1/3/2018 VÀ NĐ 150/2018/NĐ-CP 7/11/2018)**

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1011b/QĐ - BTTTT

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng liên quan đến điều kiện đầu tư, kinh doanh

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Quyết định số 1011a/QĐ-BTTTT ngày 10/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban soạn thảo xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh gồm các ông, bà có tên sau đây:

1. Ông Trương Minh Tuấn, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông - Trưởng Ban soạn thảo;
2. Ông Phan Tâm, Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông - Phó Trưởng Ban soạn thảo;
3. Ông Hoàng Vĩnh Bảo, Cục trưởng Cục Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử - Thành viên;
4. Ông Võ Thanh Lâm, Vụ trưởng Vụ Pháp chế - Thành viên;
5. Ông Lê Quang Tự Do, Phó Cục trưởng Cục Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử - Thành viên;
6. Bà Lê Thị Ngọc Mơ, Phó Cục trưởng Cục Viễn thông - Thành viên;
7. Ông Trần Minh Tân, Giám đốc Trung tâm Internet Việt Nam - Thành viên.

Điều 2. Thành lập Tổ biên tập xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh gồm các ông, bà có tên sau đây:

1. Ông Võ Thanh Lâm, Vụ trưởng Vụ Pháp chế - Tổ trưởng Tổ Biên tập;
2. Bà Trần Thị Thu Hiền, Phó Giám đốc Trung tâm Internet Việt Nam - Thành viên;
3. Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền, Trưởng phòng Thông tin điện tử, Cục Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử - Thành viên;
4. Bà Bùi Thị Thủy Liễu, Phó Trưởng phòng Thông tin điện tử, Cục Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử - Thành viên;
5. Bà Lê Thu Hà, Chuyên viên phòng Thông tin điện tử, Cục Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử - Thành viên;
6. Ông Vũ Thành Đồng, Chuyên viên phòng Cấp phép và Thị trường Cục Viễn thông - Thành viên;
7. Bà Lê Thị Thanh Hoa, Chuyên viên phòng Cấp phép và Thị trường Cục Viễn thông - Thành viên;
8. Bà Nguyễn Thị Thu Thủy, Trưởng phòng quản lý tài nguyên Internet, Trung tâm Internet Việt Nam - Thành viên;
9. Ông Phan Quốc Vinh, Chuyên viên chính Vụ Pháp chế - Thành viên;
10. Bà Phạm Thị Thu Huyền, Chuyên viên Vụ Pháp chế - Thành viên;
11. Ông Phạm Quang Hòa, Chuyên viên Vụ Pháp chế - Thành viên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Ban soạn thảo, Tổ biên tập tự giải thể sau khi Nghị định được ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng; Vụ trưởng Vụ Pháp chế; Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính; Cục trưởng Cục Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử; Cục trưởng Cục Viễn thông; Giám đốc Trung tâm Internet Việt Nam và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 1, Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng Bộ TTTT;
- Lưu: VT, PC.



BỘ TRƯỞNG

Trương Minh Tuấn

➤ **NĐ 72/2013/NĐ-CP (5/7/2013)** về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng (sửa đổi, bổ sung 02 lần năm 2018: NĐ 27/2018/NĐ-CP & NĐ 150/2018/NĐ-CP).

➤ **Một số vấn đề bất cập phát sinh hiện nay:**

✓ Hoạt động cung cấp nội dung trên trang TTĐT tổng hợp:

- Trang TTĐT tổng hợp chạy theo xu hướng thị trường, tập trung tổng hợp các thông tin tiêu cực để câu khách, thông tin trên mạng bị sai lệch, không phản ánh đúng tình hình xã hội;
- Tình trạng “báo hóa” trang TTĐT tổng hợp: tự sản xuất tin, bài, gây nhầm lẫn với cơ quan báo chí;
- Gia tăng tình trạng vi phạm bản quyền báo chí trên các trang TTĐT tổng hợp.

✓ Hoạt động cung cấp dịch vụ MXH:

- MXH xuyên biên giới chưa tuân thủ pháp luật VN. Quy định về hoạt động cung cấp thông tin, dịch vụ qua biên giới còn nhiều bất cập. Tồn tại thông tin vi phạm pháp luật, lan truyền tin giả, gây mất ổn định và bức xúc trong xã hội, bất bình đẳng doanh nghiệp trong và ngoài nước.
- Lợi dụng MXH để hoạt động báo chí, tổ chức phát trực tuyến (livestream) để thông tin sai sự thật, xúc phạm uy tín, nhân phẩm tổ chức, cá nhân khác và cung cấp thông tin, dịch vụ vi phạm pháp luật.
- Tình trạng “báo hóa” MXH (MXH hoạt động như báo điện tử, như trang TTĐT tổng hợp).

Mục tiêu giải quyết vấn đề:

- Bổ sung các quy định để hạn chế các trang TTĐTTH cung cấp tin bài như báo điện tử gây ảnh hưởng đến sự ổn định xã hội
- Giải quyết tình trạng các tổ chức, doanh nghiệp lợi dụng Giấy phép mạng xã hội để hoạt động ‘báo hóa’ và lách luật cung cấp các dịch vụ chuyên ngành khác
- Chính sách quản lý sát với sự phát triển của thực tiễn, quản lý thực chất vấn đề, khắc phục được tình trạng quản lý mang tính “hình thức”
- Đảm bảo nhu cầu thông tin của người dân

PHƯƠNG ÁN DỰ KIẾN ĐÁP ỨNG CÁC MỤC TIÊU GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ CHÍNH SÁCH???

LỰA CHỌN 1

Phương án 1: Giữ nguyên như hiện trạng (không bổ sung, điều chỉnh)?

Phương án 2: Dừng cấp phép trang TTĐT & Mạng xã hội và không cho tồn tại?

LỰA CHỌN 2

Phương án 1: Giữ nguyên như hiện trạng (không bổ sung, điều chỉnh)?

Phương án 2: Dừng cấp phép trang TTĐT & Mạng xã hội và không cho tồn tại?

Phương án 3: Bổ sung quy định để giải quyết tình trạng “báo hóa” trang TTĐT tổng hợp, mạng xã hội?

LỰA CHỌN 3

Phương án 1: Giữ nguyên như hiện trạng (không bổ sung, điều chỉnh)?

Phương án 2: Bổ sung quy định để giải quyết tình trạng “báo hóa” trang TTĐT tổng hợp, mạng xã hội?

QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT (DỰ ÁN LUẬT, PHÁP LỆNH)

Bước 1: Tổ chức soạn thảo VBQPPL

Bước 2: Lấy ý kiến vào dự án, dự thảo VBQPPL

Bước 3: Thẩm định hoặc xin ý kiến CP về dự án, dự thảo VBQPPL

Bước 4: Cơ quan trình văn bản xem xét, quyết định trình văn bản

Bước 5: Thẩm tra dự án, dự thảo văn bản

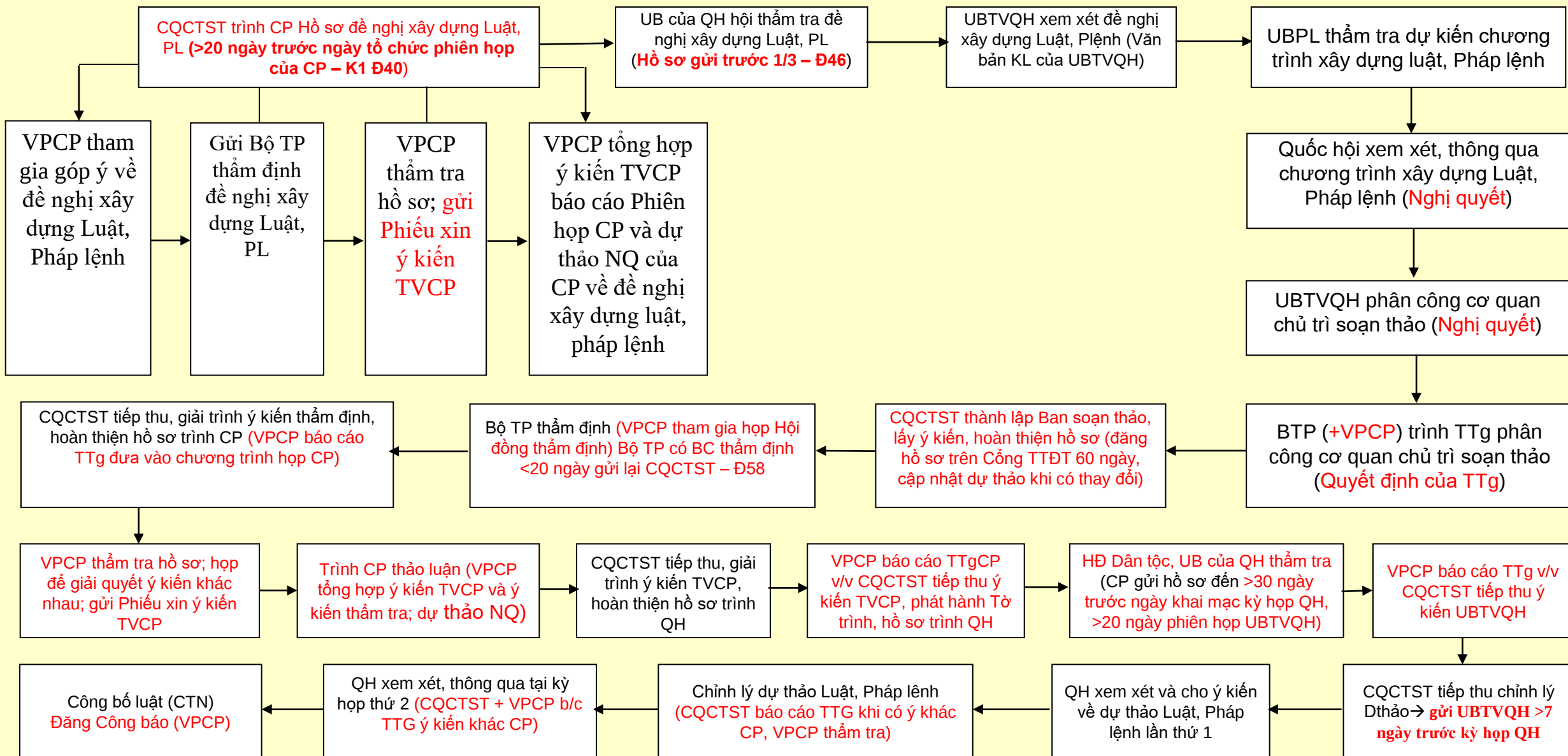
Bước 6: UBTVQH cho ý kiến đối với dự án, dự thảo văn bản

Bước 7: Thông qua, ký ban hành dự án, dự thảo văn bản

Bước 8: Đăng công báo, đưa tin văn bản

(Sổ tay soạn thảo VBQPPL, Bộ Tư pháp, 2018)

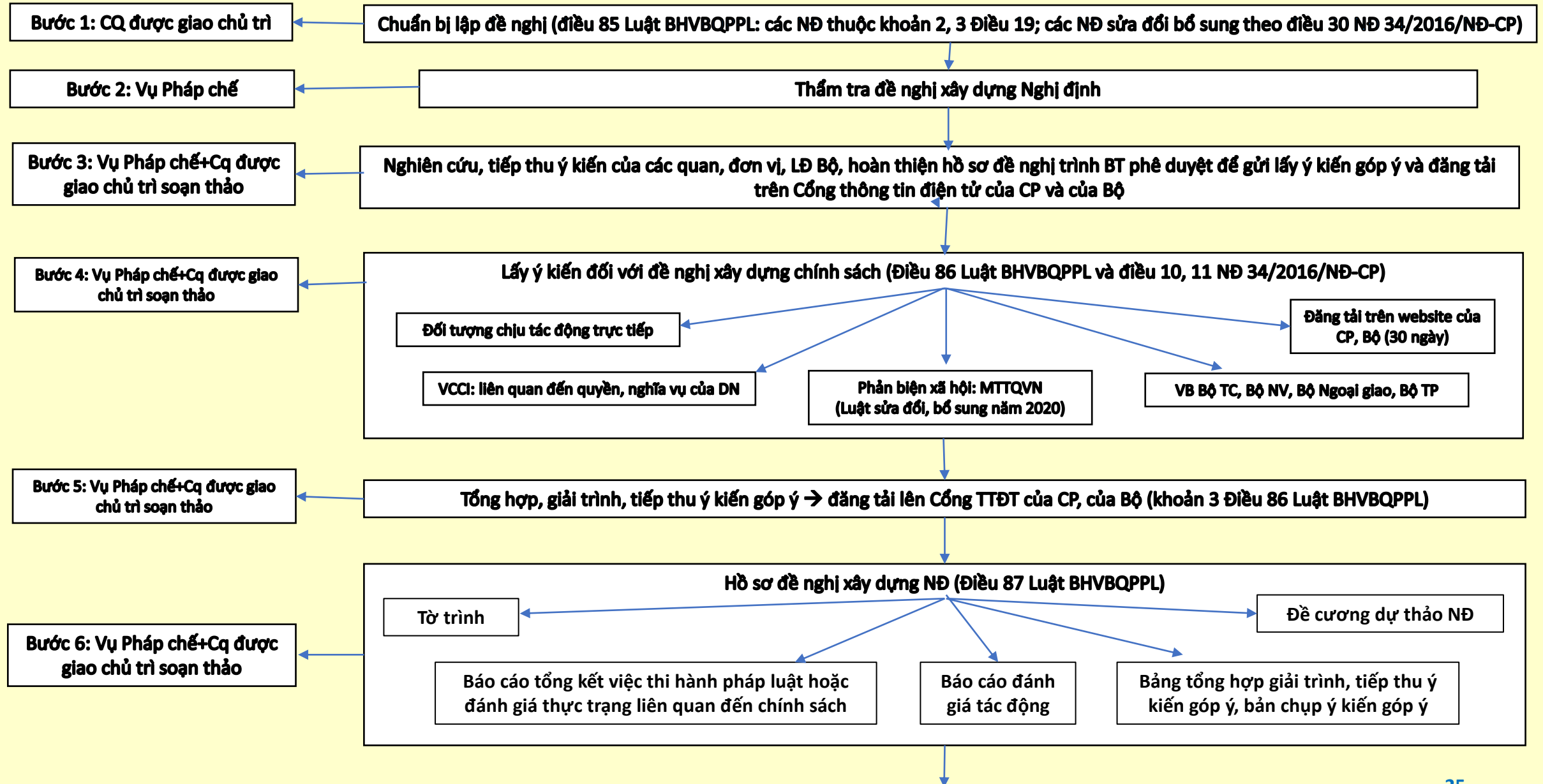
QUY TRÌNH XÂY DỰNG LUẬT, PHÁP LỆNH



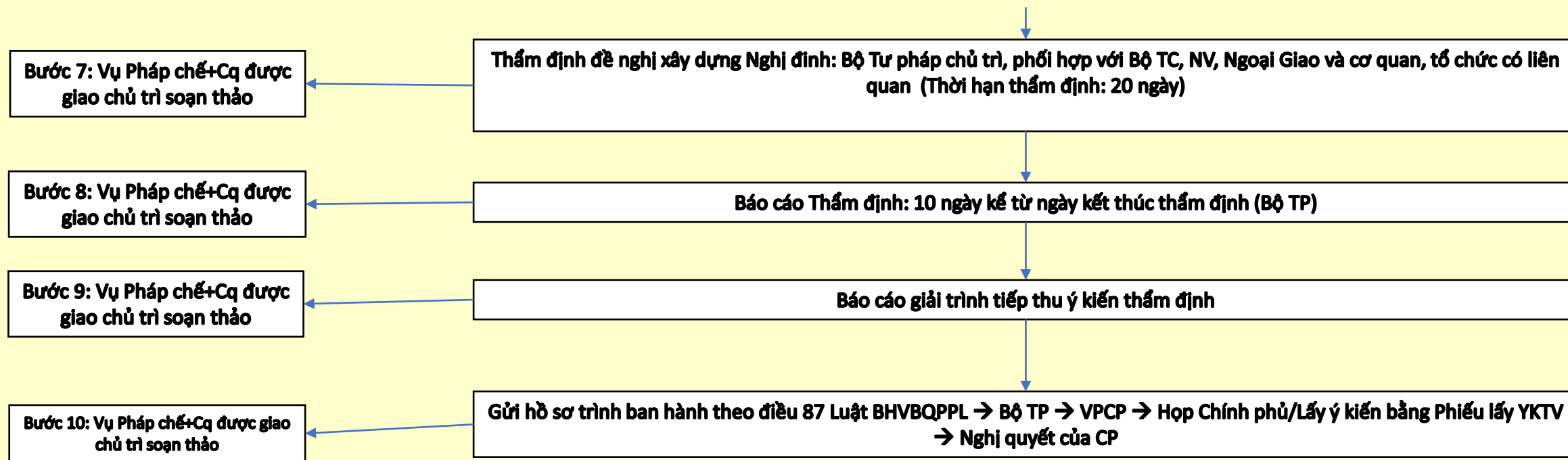
QUY TRÌNH DỰ ÁN LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT TÀN SỐ

- ❖ Bộ TTTT (2020) thực hiện quy trình lập Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi Luật Tàn số 2009
- ❖ Bộ Tư pháp thẩm định pháp lý (4/2021) Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi Luật Tàn số 2009.
- ❖ Bộ TTTT trình Chính phủ (5/2021) Hồ sơ Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi Luật Tàn số: Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp
- ❖ Chính phủ ban hành Nghị quyết 94/NQ-CP (20/8/2021): Phiên họp chuyên đề của Chính phủ về xây dựng Luật/Pháp lệnh (17/8/2021) thảo luận và quyết nghị một số chính sách (04) về sửa Luật Tàn số.
- ❖ UBTVQH: NQ 07/2021/UBTVQH15 (25/11/2021) bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022 dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tàn số (Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp 3, tháng 5/2022; thông qua tại kỳ họp 4, tháng 10/2022; Phân công Chính phủ trình dự án; Ủy ban KHCN&MT chủ trì thẩm tra và Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban khác của QH tham gia thẩm tra dự án Luật).
- ❖ Bộ TTTT thực hiện quy trình xây dựng dự thảo Luật sửa đổi Luật Tàn số: Bổ sung 01 Chính sách mới → Báo cáo đánh giá tác động bổ sung đối với chính sách mới (nguyên tắc, trình tự, thủ tục đấu giá quyền sử dụng băng tần số VTĐ)
- ❖ Bộ TP thẩm định pháp lý hồ sơ dự án Luật sửa đổi Luật Tàn số VTĐ (1/2022).
- ❖ Bộ TTTT có Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ TP, hoàn thiện hồ sơ trình CP phê duyệt hồ sơ dự án Luật sửa đổi Luật Tàn số, CP trình Quốc hội dự án Luật.
- ❖ UBKHCN&MT (6/2022): Báo cáo thẩm tra dự án Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tàn số;
- ❖ QH (Kỳ họp 3) Cho ý kiến về dự thảo Luật sửa đổi Luật Tàn số (Thảo luận ở hội trường về dự án Luật, 15/6/2022)
- ❖ UBTVQH: Báo cáo 337/BC-UBTVQH15 giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tàn số vô (14/10/2022)
- ❖ QH (kỳ họp 4): Thảo luận ở Hội trường (21/10/2022) về một số nội dung còn ý kiến khác nhau của dự thảo Luật.
- ❖ QH (kỳ họp 4): Biểu quyết thông qua Luật sửa đổi Luật Tàn số (9/11/2022) ở phiên họp toàn thể tại Hội trường.

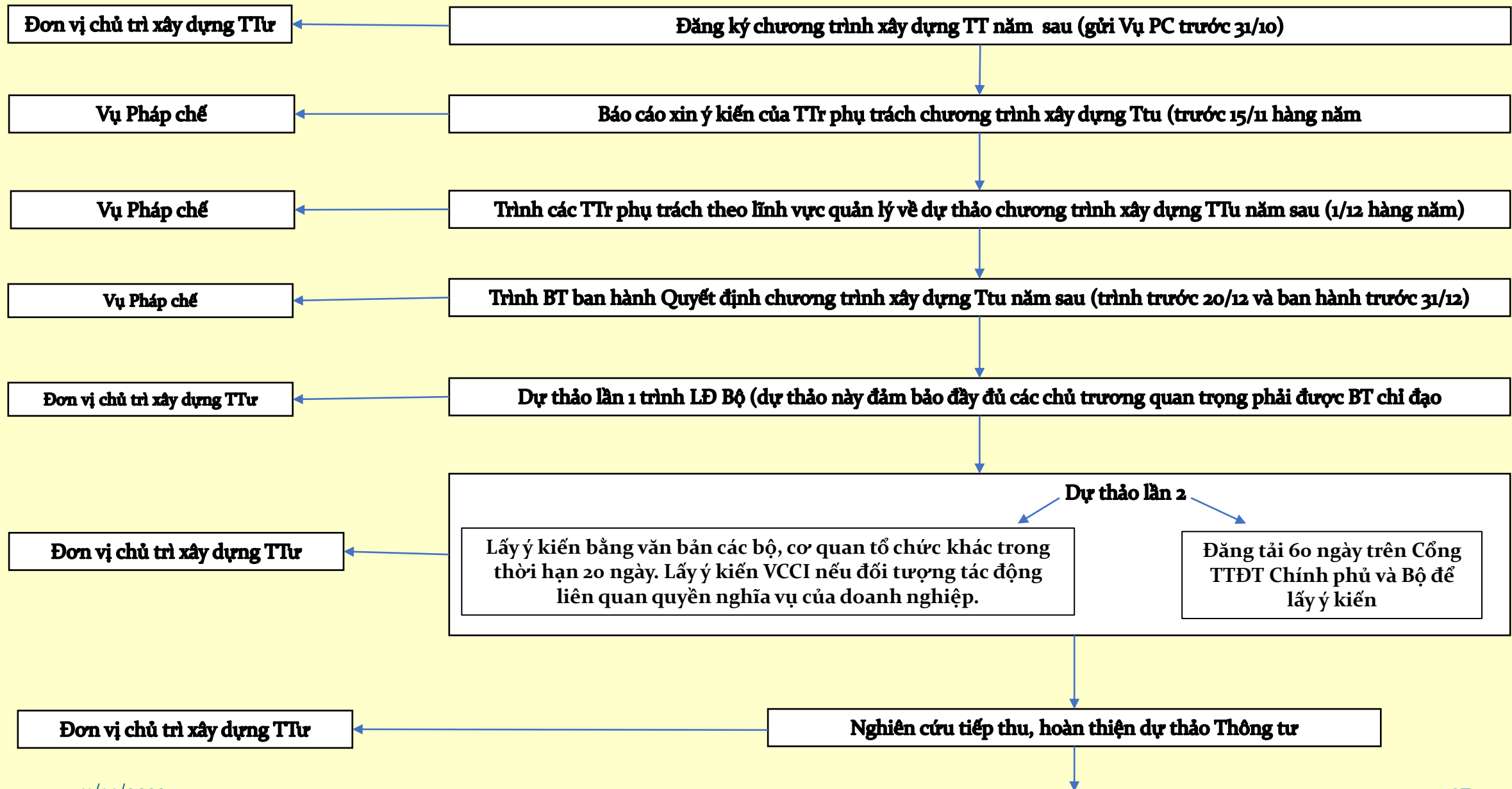
QUY TRÌNH LẬP ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH



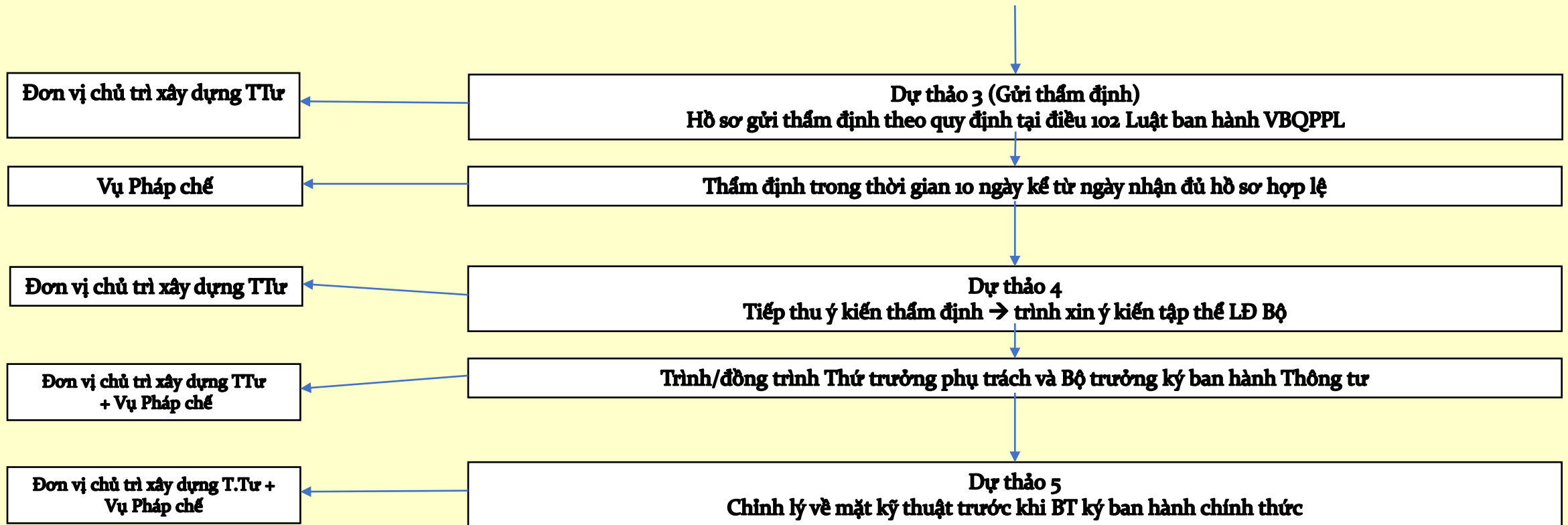
LẬP ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH (TIẾP)



QUY TRÌNH XÂY DỰNG THÔNG TƯ



QUY TRÌNH XÂY DỰNG THÔNG TƯ (Tiếp)



QUY TRÌNH THẢO LUẬN, GÓP Ý CHÍNH SÁCH, DỰ THẢO VBQPPL

(a) Hiến pháp 2013 (Điều 28)

- “1. Công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước.
2. Nhà nước tạo điều kiện để công dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội; công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của công dân”.

(b) Luật ban hành VBQPPL 2015 (sửa đổi 2020)

“Điều 6. Tham gia góp ý kiến xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

1. MTTQVN, VCCI, các tổ chức thành viên khác của Mặt trận và các cơ quan, tổ chức khác, cá nhân có quyền và được tạo điều kiện tham gia góp ý kiến về đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.
2. MTTQVN thực hiện phản biện xã hội đối với dự thảo VBQPPL theo quy định của Luật này và Luật MTTQVN. Phản biện xã hội được thực hiện trong thời gian cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến về dự thảo văn bản. Đối với dự thảo VBQPPL đã được phản biện xã hội thì hồ sơ dự án, dự thảo gửi thẩm định, thẩm tra, trình cơ quan có thẩm quyền phải bao gồm văn bản phản biện xã hội.
3. Trong quá trình xây dựng VBQPPL, cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội chủ trì soạn thảo và cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến về đề nghị xây dựng VBQPPL, dự thảo VBQPPL, để MTTQVN thực hiện phản biện xã hội đối với dự thảo VBQPPL; tổ chức lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của VBQPPL.
4. Ý kiến tham gia về đề nghị xây dựng VBQPPL, dự thảo VBQPPL và ý kiến phản biện xã hội đối với dự thảo VBQPPL phải được nghiên cứu, giải trình, tiếp thu trong quá trình chỉnh lý dự thảo văn bản”.

CÁC HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN GÓP Ý VỀ CHÍNH SÁCH, VBQPPL

Cổng thông tin điện tử của CP,
của Bộ

01

02

Lấy ý kiến trực tiếp bằng văn
bản

Tổ chức truyền thông, hội nghị lấy
ý kiến, tổ chức tọa đàm, hội thảo

03

04

Thông qua các phương tiện
thông tin đại chúng

Tổ chức điều tra xã hội học, các
hình thức khác

05

THAM GIA GÓP Ý XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH CỦA DOANH NGHIỆP?

- (a) Khảo sát VCCI: “khó khăn lớn nhất liên quan đến chính sách, pháp luật của các doanh nghiệp là không biết đến sự tồn tại của chính sách, pháp luật”.
- (b) Phát hiện bất cập, sáng kiến chính sách: Doanh nghiệp chưa chủ động trong việc nghiên cứu, phát hiện bất cập, đề xuất chính sách.
- (c) Cách thức truyền tải góp ý, kiến nghị.
- (d) Liên kết với các bên liên quan để vận động chính sách: liên kết các doanh nghiệp khác, hiệp hội doanh nghiệp, các cơ quan báo chí, hay các tổ chức khác có liên quan.

(Quy trình và kỹ năng tham gia xây dựng chính sách và pháp luật của doanh nghiệp, VCCI)

TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CQ, TC, DN VÀ CÁ NHÂN VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI NĐ 72/2013/NĐ-CP

- ❖ Tổng số đơn vị gửi lấy ý kiến: 399
- ❖ Tổng số đơn vị có văn bản gửi lại: 102 (95 đơn vị trong nước, 7 nước ngoài)
- ❖ Tổng số đơn vị trong nước có ý kiến đồng thuận: 27
- ❖ Tổng số đơn vị có ý kiến góp ý: 75 (68 đơn vị trong nước, 7 nước ngoài)
- ❖ Tổng số ý kiến góp ý nhận được: 423 (367 của các đơn vị trong nước, 56 ý kiến nước ngoài)
- ❖ Có 119 ý kiến theo nhóm vấn đề được đơn vị chủ trì soạn thảo đề xuất tiếp thu.
- ❖ Có 110 ý kiến được đơn vị chủ trì soạn thảo đề xuất bảo lưu.

(Hồ sơ thẩm định Bộ Tư pháp: Bảng tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý, 11/2021)

TÌNH HUỐNG: THAM GIA Ý KIẾN CỦA DNVTT VỀ QUY ĐỊNH ĐÓNG GÓP QUỸ DVVTCI THEO THÔNG TƯ 57/2016/TT-BTC

Vấn đề pháp lý liên quan đến việc áp dụng một số quy định của Quyết định 1168/QĐ-TTg ngày 24/7/2015 (doanh thu dịch vụ viễn thông thuộc đối tượng xác định mức đóng góp vào Quỹ dịch vụ viễn thông công ích) và quyền lợi của các doanh nghiệp viễn thông.

Tình huống: Cơ quan chức năng xác định trách nhiệm đóng góp vào Quỹ dịch vụ viễn thông công ích năm 2015 của các DNVTT, xác định đối với **Doanh nghiệp viễn thông A** bao gồm “doanh thu dịch vụ truy cập Internet” do doanh nghiệp cung cấp và áp dụng từ 1/1/2015. **Doanh nghiệp viễn thông A** cho rằng việc áp dụng với “doanh thu dịch vụ truy cập Internet” chỉ có thể áp dụng từ 24/7/2015.

- **Những căn cứ pháp lý để thảo luận (05 văn bản chính):**

1. Quyết định số 1643/QĐ-TTg ngày 21/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn 2011-2015 (Quyết định 1643) quy định nghĩa vụ đóng góp Quỹ Viễn thông công ích như sau: “*Nguồn thu từ doanh nghiệp viễn thông: Thu 2% của tổng **doanh thu dịch vụ điện thoại di động***” (Phần V mục 1 điểm a).
2. Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 24/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 (Quyết định 1168) quy định “***Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng*** là 1,5% doanh thu ***các dịch vụ viễn thông*** quy định tại điều 9 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 6/4/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Viễn thông”. Điều 3 của Quyết định 1168 quy định thời điểm hiệu lực của Quyết định “*Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 1643/QĐ-TTg ngày 21/9/2011 phê duyệt chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn 2011-2015*”.
3. Nghị định 25/2011/NĐ-CP điều 9 phân loại dịch vụ viễn thông gồm *dịch vụ viễn thông cơ bản (có dịch vụ thoại)* và *dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng (có dịch vụ truy nhập Internet)*.

4. Công văn số 2841/BTTTT-QLDN ngày 3/9/2015 xin ý kiến của Thủ tướng cho phép (1) cho phép không thu đóng góp... năm 2014 như đã thực hiện trong các năm 2011, 2012, 2013; (2) Thực hiện thu đóng góp tài chính... từ năm tài chính 2015 theo đúng Quyết định 1168/QĐ-TTg ngày 24/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ”, và Thủ tướng đã đồng ý với đề xuất này tại Công văn số 7970/VPCP-KTN ngày 5/10/2015.

5. Thông tư 57/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 hướng dẫn chế độ thu nộp, hạch toán các Khoản đóng góp vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam giai đoạn 2015-2020 của các doanh nghiệp viễn thông (*Hiệu lực thi hành từ 15/5/2016*) tại Điều 3. Mức đóng góp tài chính của các doanh nghiệp gồm:

“ 1. Đối với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ và có hạ tầng mạng, *mức đóng góp là 1,5% doanh thu các dịch vụ quy định tại Điều 9 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 6/4/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Viễn thông và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).*

THEO DÕI CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT MỚI NHƯ THẾ NÀO?

1. K2 Đ6 Luật BHVBQPPL 2015, quá trình soạn thảo VBQPPL (bao gồm cả quy trình lập đề nghị) phải lấy ý kiến các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp.
2. Việc lấy ý kiến (bao gồm cả việc xử lý ý kiến) doanh nghiệp và người dân phụ thuộc vào thiện chí của cơ quan soạn thảo.
3. Việc lấy ý kiến trực tiếp thông qua các hội thảo tốn kém chi phí và công sức.
4. Các cơ quan soạn thảo thường chỉ tập trung lấy ý kiến của một vài doanh nghiệp lớn hoặc doanh nghiệp nhà nước mà bỏ qua nhiều doanh nghiệp nhỏ.
5. DN chưa quan tâm và bố trí nhân lực nghiên cứu đầy đủ, toàn diện nội dung khi được lấy ý kiến (cả bằng văn bản và tham gia ý kiến tại hội thảo), chưa có luận cứ và số liệu chứng minh (trong nước, ngoài nước), không gửi văn bản tham gia ý kiến hoặc để dằn nhát trí với nội dung của dự thảo...
6. Các nguồn tin chính DN sử dụng để theo dõi chính sách pháp luật mới: (i) Trang tin điện tử; (ii) sử dụng dịch vụ của các đơn vị cung cấp thông tin, văn bản chính sách, pháp luật; (iii) Trang tin điện tử của VCCI hoặc Hiệp hội doanh nghiệp; (iv) Các phương tiện thông tin đại chúng.

PHÁT HIỆN BẤT CẬP CỦA CHÍNH SÁCH, VBQPPL ĐỀ GÓP Ý, ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI?

- Khi nghiên cứu VBQPPL, phần lớn DN chỉ đọc văn bản để nắm bắt thông tin.
- DN là đối tượng chịu sự tác động của chính sách, pháp luật nhưng nhiều DN (kể cả các DN lớn, DNNN) thiếu quan tâm nguồn lực cần thiết.
- Các tiêu chí đánh giá văn bản pháp luật: 4 tiêu chí cơ bản
- ✓ **Tính thống nhất:** quy định không mâu thuẫn với VBQPPL cao hơn, với các quy định khác do cùng cơ quan ban hành, phù hợp với các cam kết quốc tế.
- ✓ **Tính minh bạch:** quy định rõ ràng (đặc biệt về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp, các đối tượng bị điều chỉnh), ngôn ngữ không gây hiểu nhầm/đa nghĩa hoặc tạo sự tùy tiện áp dụng.
- ✓ **Tính hợp lý:** các quy định cần đảm bảo quyền, lợi ích chính đáng các bên liên quan, dựa trên căn cứ khoa học, phù hợp với nhu cầu của xã hội.
- ✓ **Tính khả thi:** thuận lợi trong quá trình áp dụng cả với DN và CQNN, phù hợp với năng lực, điều kiện thực tế của đối tượng chịu sự tác động, tránh quy định đưa ra không thực hiện được.

THỜI HẠN GÓP Ý VĂN BẢN

Loại văn bản	Thời hạn	
	Đăng tải trang TTĐT	Lấy ý kiến VB
Đề nghị xây dựng Luật, Pháp lệnh	30 ngày	15 ngày
Dự án luật, pháp lệnh, dự thảo NQ của Quốc hội, UBTVQH (trừ VB theo thủ tục rút gọn)	60 ngày	20 ngày
Lệnh, QĐ của Chủ tịch nước (trừ VB theo thủ tục rút gọn)	60 ngày	Không quy định
Đề nghị xây dựng Nghị định	30 ngày	20 ngày
Dự thảo Nghị định	60 ngày	20 ngày
Dự thảo Quyết định của Thủ tướng	60 ngày	20 ngày
Dự thảo Thông tư	60 ngày	20 ngày

CÁCH GÓP Ý THUYẾT PHỤC?

- (a) *Nêu rõ địa vị của mình:* tên DN, địa bàn, quy mô, lĩnh vực KD, số năm hoạt động... DN có thể sử dụng các biện pháp để liên kết với các bên liên quan và vận động chính sách để tăng uy tín, hiệu quả để ý kiến được lắng nghe, xem xét.
- (b) *Nêu ý kiến ngắn gọn trước, giải thích sau:* góp ý của DN cần tóm gọn toàn bộ quan điểm của mình về một vấn đề chỉ trong 1-2 câu sẽ tạo thuận lợi cho người tổng hợp và giúp ý kiến của DN dễ dàng được tiếp thu.
- (c) *Không chỉ nêu ra vấn đề mà phải có giải pháp đi kèm:* nếu doanh nghiệp có thể đưa ra được giải pháp cụ thể (thậm chí câu chữ trong văn bản) thì sẽ có ý nghĩa rất lớn.
- (d) *Hướng đến lợi ích chung:* góp ý về một chính sách, VBQPPL nên lập luận theo hướng vì lợi ích chung của cả ngành, của đất nước mà không theo hướng lợi ích cục bộ chỉ cho doanh nghiệp của mình hay một nhóm doanh nghiệp nhất định, thậm chí không có lợi cho một nhóm doanh nghiệp đối thủ khác, hay không có lợi cho xã hội nói chung.

(Quy trình và kỹ năng tham gia xây dựng chính sách và pháp luật của doanh nghiệp, VCCI)



Q & A